

QUY ĐỊNH

về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Căn cứ Điều lệ Đoàn, Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa XII, nhiệm kỳ 2022 - 2027;
- Căn cứ các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật;

Ban Thường vụ Trung ương Đoàn ban hành Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên trong việc thi hành Điều lệ Đoàn, chấp hành quy định, chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đoàn.

Điều 2. Nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật

1. Kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo của Đoàn. Tổ chức Đoàn phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức Đoàn có thẩm quyền.

2. Các cấp bộ Đoàn lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức Đoàn và đoàn viên chấp hành Điều lệ Đoàn, nghị quyết của Đoàn.

3. Tổ chức đoàn cấp trên kiểm tra, giám sát tổ chức đoàn cấp dưới, cán bộ đoàn cùng cấp, cấp dưới; chi đoàn, chi đoàn cơ sở kiểm tra, giám sát đoàn viên. Cán bộ đoàn, đoàn viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo sự phân công của tổ chức đoàn có thẩm quyền.

4. Công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên, được thực hiện ở các cấp bộ đoàn. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên và kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra dấu hiệu vi phạm của các cấp bộ đoàn.

5. Công tác kiểm tra, giám sát phải kịp thời phát hiện nhân tố mới, tích cực đề phát huy, phải bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám nghĩ, dám nói,

dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; phải chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên ngay từ khi còn mới manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Công tác kiểm tra, giám sát phải liên thông với công tác thi hành kỷ luật; khi kiểm tra, giám sát phát hiện ra vi phạm phải cương quyết xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời, đúng quy định để răn đe và giáo dục.

6. Công tác kiểm tra, giám sát phải được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, khách quan, trung thực, chính xác, kịp thời, hiệu quả; đảm bảo quy định của Đoàn và các quy định khác của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

7. Mọi tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đoàn, nếu vi phạm khuyết điểm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đều bị xem xét xử lý và đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đoàn, không có ngoại lệ.

8. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật đoàn được quy định tại Điều lệ Đoàn, các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Mọi tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên phải tuân thủ nhằm bảo đảm việc thi hành kỷ luật tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên được thống nhất, chặt chẽ, công minh, chính xác, kịp thời.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy định này, tổ chức Đoàn gồm: Chi đoàn và chi đoàn cơ sở; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ từ Đoàn cơ sở trở lên; Ủy ban Kiểm tra của Đoàn các cấp.

2. Kiểm tra của đoàn: Là việc các tổ chức đoàn có thẩm quyền xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của tổ chức đoàn và cán bộ đoàn, đoàn viên được kiểm tra trong việc thi hành Điều lệ Đoàn, chấp hành quy định, chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đoàn.

3. Kiểm tra định kỳ là việc kiểm tra vào dịp 6 tháng đầu năm và cuối năm. Kiểm tra chuyên đề là việc kiểm tra theo kế hoạch với mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian cụ thể. Kiểm tra dấu hiệu vi phạm là việc kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm.

4. Giám sát của đoàn: Là việc các tổ chức đoàn có thẩm quyền quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời kiến nghị, tác động để tổ chức đoàn và cán bộ đoàn, đoàn viên được giám sát thực hiện, chấp hành Điều lệ Đoàn, chủ trương, nghị quyết của của Đoàn.

5. Giám sát thường xuyên là việc phân công, cử cán bộ giám sát trực tiếp tại các kỳ họp hoặc phân công giám sát gián tiếp thông qua văn bản, báo chí, đơn kiến nghị, phản ánh. Giám sát chuyên đề là giám sát theo kế hoạch với mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian cụ thể.

6. Chủ thể kiểm tra, giám sát là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp, Chi đoàn, Chi đoàn cơ sở nơi không có Ban Chấp hành, Liên Chi đoàn, Đoàn

bộ phận, Ban Cán sự đoàn; Ban Bí thư Trung ương Đoàn, Ủy ban Kiểm tra đoàn các cấp, cán bộ đoàn, đoàn viên được giao nhiệm vụ.

7. Đối tượng kiểm tra, giám sát là tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên.

8. Tố cáo trong đoàn là việc công dân, cán bộ đoàn, đoàn viên báo cho tổ chức đoàn hoặc cán bộ đoàn có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm Điều lệ Đoàn, quy định, chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đoàn mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, của Đoàn, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân.

9. Thi hành kỷ luật đoàn: Là việc tổ chức đoàn có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật bằng một trong những hình thức kỷ luật của đoàn.

10. Khiếu nại kỷ luật đoàn: Là việc tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên bị thi hành kỷ luật thực hiện quyền của mình theo quy định, đề nghị tổ chức đoàn có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật đoàn khi có căn cứ, cơ sở cho rằng quá trình kiểm tra, xem xét, quyết định kỷ luật đối với mình chưa đúng với quy định, xâm phạm quyền và lợi ích của tổ chức đoàn, cán bộ đoàn hoặc đoàn viên bị kỷ luật.

11. Có dấu hiệu vi phạm: Là khi có thông tin, tài liệu, phản ánh, dấu hiệu cho thấy tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên không tuân theo, không làm hoặc làm trái Điều lệ Đoàn, quy định, chủ trương, nghị quyết của tổ chức Đoàn.

12. Tái phạm: Là việc tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên đã bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hạn áp dụng hình thức kỷ luật lại tiếp tục vi phạm.

13. Vi phạm ít nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại không lớn, chưa làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của cá nhân, tổ chức đoàn, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đoàn, đoàn viên công tác, sinh hoạt. Hoặc tương đồng với những hành vi vi phạm đã được cấp ủy, chính quyền phê bình, phê bình nghiêm khắc.

14. Vi phạm nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cá nhân, tổ chức đoàn, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đoàn, đoàn viên công tác, sinh hoạt. Hoặc tương đồng với những hành vi vi phạm đã được cấp ủy, chính quyền quyết định hình thức kỷ luật Khiển trách, Cảnh cáo.

15. Vi phạm rất nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ đoàn, đoàn viên và nhân dân làm mất uy tín của bản thân và tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đoàn, đoàn viên công tác, sinh hoạt. Hoặc tương đồng với những hành vi vi phạm đã được cấp ủy, chính quyền quyết định hình thức kỷ luật Cách chức hoặc Khai trừ (Giải tán đối với tổ chức đoàn).

16. Trách nhiệm của người đứng đầu là trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao hoặc bổ nhiệm hoặc được bầu cử để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện.

17. Trách nhiệm trực tiếp: Là trách nhiệm của tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu và tổ chức thực hiện mà có vi phạm.

18. Trách nhiệm liên đới: Là trách nhiệm của tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên cùng chịu trách nhiệm về vi phạm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc khi trong cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới trực tiếp phụ trách, cán bộ đoàn dưới quyền trực tiếp quản lý, phụ trách có vi phạm.

Chương II

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐOÀN

Điều 4. Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát của Đoàn.

Ban hành các văn bản chỉ đạo: Nghị quyết, quy chế, quy định, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch, kết luận... về công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền. Chỉ đạo cấp bộ đoàn cấp dưới, các ban chuyên môn và Ủy ban Kiểm tra cùng cấp xây dựng, thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong từng thời gian; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

2. Nhiệm vụ kiểm tra

2.1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp; Ban Bí thư Trung ương Đoàn, Ủy ban Kiểm tra Đoàn các cấp khi được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên.

2.3. Nội dung kiểm tra

2.3.1. Kiểm tra việc thi hành Điều lệ Đoàn, nghị quyết, chủ trương, quy định của Đoàn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, thanh niên. Kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tổ chức Đoàn, quy chế làm việc, sinh hoạt đoàn.

2.3.2. Kiểm tra cán bộ, đoàn viên (kể cả ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp) và tổ chức Đoàn cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm.

2.3.3. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới.

2.3.4. Kiểm tra công tác đoàn phí, việc sử dụng các nguồn quỹ khác của các đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành cùng cấp và cấp dưới.

2.3.5. Kiểm tra tiêu chuẩn cán bộ Đoàn, Đoàn viên theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ Đoàn, Đoàn viên.

2.4. Thẩm quyền và trách nhiệm

2.4.1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện một số hoạt động kiểm tra thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm

quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn cấp mình. Để thực hiện trách nhiệm này, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn xây dựng kế hoạch trong đó xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành kiểm tra; tổ chức phối hợp lực lượng, phân công cụ thể từng ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và các ban chức năng của Đoàn tiến hành kiểm tra.

2.4.2. Yêu cầu các tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

2.4.3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp trực tiếp kiểm tra hoặc giao Ủy ban Kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên; xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

2.4.4. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra.

3. Nhiệm vụ giám sát

3.1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp; Ban Bí thư Trung ương Đoàn, Ủy ban Kiểm tra Đoàn các cấp khi được giao thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên.

3.3. Nội dung giám sát: Như nội dung kiểm tra tại điểm 2.3, khoản 2, Điều 4 quy định này và giám sát Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ Đoàn cùng cấp trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết và quy định của Đoàn.

3.4. Thẩm quyền và trách nhiệm

3.4.1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn cấp mình. Để thực hiện trách nhiệm này, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn xây dựng kế hoạch trong đó xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành giám sát; tổ chức phối hợp lực lượng, phân công cụ thể từng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các ban chức năng của Đoàn tiến hành giám sát.

3.4.2. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp phân công Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra và các ban, đơn vị tham mưu, giúp việc thực hiện nhiệm vụ giám sát.

3.4.3. Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra đoàn các cấp khi thực hiện nhiệm vụ giám sát được yêu cầu tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản theo nội dung giám sát và chịu trách nhiệm về các nội dung, thông tin, tài liệu giám sát; có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn cấp mình.

3.4.4. Qua giám sát, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; cử Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn cấp dưới, đoàn viên sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

3.4.5. Nếu phát hiện tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên có dấu hiệu vi phạm thì kiểm tra hoặc giao ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3.4.6. Nếu phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản trái quy định thì yêu cầu, kiến nghị tổ chức Đoàn, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định.

4. Thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, đoàn viên và nhân dân liên quan đến cán bộ, đoàn viên; tham mưu cho Ban Chấp hành về việc thi hành kỷ luật Đoàn hoặc thi hành kỷ luật Đoàn theo thẩm quyền. Đình chỉ sinh hoạt đối với đoàn viên, hoạt động đối với tổ chức Đoàn; đình chỉ sinh hoạt, công tác, chức vụ đối với cán bộ đoàn.

5. Ủy ban Kiểm tra đoàn các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn các cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 5. Công tác kiểm tra, giám sát của Chi đoàn, chi đoàn cơ sở nơi không có Ban Chấp hành, Liên Chi đoàn, Đoàn bộ phận, Ban Cán sự đoàn

1. Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát đoàn viên trong chi đoàn, chi đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ đoàn viên, chương trình rèn luyện đoàn viên, tham gia hoạt động đoàn nơi cư trú... Tập trung kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của tổ chức mình, nhiệm vụ do cấp ủy phân công.

2. Giải quyết tố cáo và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đoàn viên trong chi đoàn, chi đoàn cơ sở về thực hiện nhiệm vụ được giao; về phẩm chất, đạo đức, lối sống...

3. Ban Cán sự đoàn hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình công tác của đoàn cấp trên và cấp ủy đảng cùng cấp về công tác thanh thiếu nhi.

Điều 6. Quy trình kiểm tra, giám sát

1. Quy trình kiểm tra gồm: chuẩn bị kiểm tra, tổ chức kiểm tra và kết thúc kiểm tra. Quy trình cụ thể trong công tác kiểm tra theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Quy trình giám sát

2.1. Quy trình giám sát định kỳ, giám sát chuyên đề: quy trình giám sát giống như quy trình kiểm tra quy định tại khoản 1, điều 6 quy định này.

2.2. Quy trình giám sát thường xuyên gồm: chuẩn bị giám sát; tổ chức giám sát; đối tượng giám sát thực hiện kiến nghị giám sát; lập hồ sơ lưu trữ, theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau giám sát. Quy trình cụ thể trong công tác giám sát theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

THI HÀNH KỶ LUẬT CỦA ĐOÀN

Điều 7. Nguyên tắc thi hành kỷ luật của Đoàn

1. Cơ quan lãnh đạo của đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công bằng, minh bạch, chính xác, kịp thời, đúng quy trình, quy định; tất cả Cơ quan lãnh đạo của đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đoàn, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2. Cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyên cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đoàn, của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải xem xét trách nhiệm và bồi hoàn.

3. Việc thi hành kỷ luật cơ quan lãnh đạo của đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm phải thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của đoàn. Khi xem xét xử lý kỷ luật, phải căn cứ kết quả tự phê bình và kết quả thẩm tra xác minh để đảm bảo kết luận khách quan, công bằng, nghiêm minh, chính xác, không bỏ sót khuyết điểm. Khi xem xét, xử lý cần làm rõ nguyên nhân sai phạm, động cơ sai phạm và hoàn cảnh sai phạm; quá trình thực hiện phải khẩn trương, không để chậm trễ, kéo dài, gây khó khăn cho việc kiểm tra, xác minh, kết luận, xử lý.

4. Kỷ luật Đoàn không thay thế kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, kỷ luật của các đoàn thể khác hoặc ngược lại.

5. Việc xem xét quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật phải thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

6. Cán bộ đoàn, đoàn viên có khuyết điểm đang trong quá trình kiểm tra, xác minh, xem xét thi hành kỷ luật thì không được rút khỏi chức danh, chức vụ đang đảm nhận hoặc xin ra khỏi Đoàn. Trường hợp tại nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, chưa có kết luận và xử lý kỷ luật, phải chuyển giao hồ sơ để Ban Chấp hành khóa mới tiếp tục xem xét, kết luận và xử lý.

7. Một hành vi vi phạm chỉ bị kỷ luật một lần bằng một hình thức kỷ luật. Khi cùng một thời điểm xem xét kỷ luật nếu có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức kỷ luật cao nhất; không tách riêng từng hành vi vi phạm để thi hành các hình thức kỷ luật khác nhau và kỷ luật nhiều lần.

8. Cán bộ đoàn đang là đoàn viên tham gia giữ chức vụ tại nhiều cấp, khi vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm tại nơi đồng chí đó giữ chức vụ và tại chi đoàn (chi đoàn cơ sở) nơi đồng chí đó đang sinh hoạt đoàn.

9. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác trong các cơ quan chuyên trách của đoàn vi phạm thì xem xét, kỷ luật theo quy định của đoàn (nếu là đoàn viên), theo quy định của Đảng (nếu là đảng viên) và theo quy định của pháp luật.

10. Cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm nghiêm trọng đến mức phải cách chức, khai trừ thì phải kỷ luật cách chức, khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đoàn. Trong trường hợp này không được để người thân hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật là người chủ trì cuộc họp kiểm điểm.

Điều 8. Hình thức kỷ luật của Đoàn

1. Đối với cơ quan lãnh đạo của Đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.
2. Đối với cán bộ Đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ (*nếu còn là đoàn viên*).
3. Đối với đoàn viên: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ.

Đoàn viên bị khai trừ, tối thiểu sau một năm tính từ thời điểm quyết định khai trừ có hiệu lực nếu có nguyện vọng, đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét kết nạp lại vào Đoàn; quy trình, thủ tục thực hiện theo quy định của Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn về kết nạp đoàn viên.

4. Một số trường hợp không phải là hình thức kỷ luật: Đình chỉ chức vụ, công tác, sinh hoạt đoàn đối với cán bộ đoàn, đoàn viên; xoá tên trong danh sách đoàn viên.

Điều 9. Thẩm quyền thi hành kỷ luật cán bộ đoàn và đoàn viên

1. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn; quyết định các hình thức kỷ luật đối với Bí thư, Phó Bí thư đoàn cấp tỉnh và tương đương; quyết định hình thức kỷ luật cảnh cáo, cách chức (*hoặc khai trừ nếu còn là đoàn viên*) đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đoàn cấp tỉnh và tương đương.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn có thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật khiển trách đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đoàn cấp tỉnh và tương đương. Trừ các đồng chí thuộc thẩm quyền và hình thức kỷ luật của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

3. Ban Chấp hành đoàn cấp tỉnh và tương đương có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với Bí thư, Phó Bí thư đoàn cấp huyện và tương đương; quyết định hình thức kỷ luật cảnh cáo, cách chức (*hoặc khai trừ nếu còn là đoàn viên*) đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đoàn cấp huyện và tương đương. Trừ các đồng chí thuộc thẩm quyền và hình thức kỷ luật của các cơ quan lãnh đạo đoàn cấp trên.

4. Ủy ban Kiểm tra đoàn cấp tỉnh và tương đương có thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật khiển trách đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đoàn cấp huyện và tương đương. Trừ các đồng chí thuộc thẩm quyền và hình thức kỷ luật của các cơ quan lãnh đạo đoàn cấp trên.

5. Ban Chấp hành đoàn cấp huyện và tương đương có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với Bí thư, Phó Bí thư đoàn cấp cơ sở (*đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở*); quyết định hình thức kỷ luật cảnh cáo, cách chức (*hoặc khai trừ nếu còn là đoàn viên*) đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đoàn cấp cơ sở (*đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở*). Trừ các đồng chí thuộc thẩm quyền và hình thức kỷ luật của các cơ quan lãnh đạo đoàn cấp trên.

6. Ủy ban Kiểm tra đoàn cấp huyện và tương đương có thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật khiển trách đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đoàn cấp cơ sở (*đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở*). Trừ các đồng chí thuộc thẩm quyền và hình thức kỷ luật của các cơ quan lãnh đạo đoàn cấp trên.

7. Ban Chấp hành Đoàn cơ sở quyết định các hình thức kỷ luật đối với Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành các đơn vị trực thuộc (*trừ các đồng chí thuộc thẩm quyền và hình thức kỷ luật của các cơ quan lãnh đạo cấp trên*); quyết định hình thức kỷ luật cảnh cáo, khai trừ đối với đoàn viên (*trong trường hợp đoàn viên là thành viên của cơ quan lãnh đạo đoàn cấp nào thì phải được sự đồng ý của cơ quan cấp đó*).

8. Chi đoàn và chi đoàn cơ sở quyết định hình thức kỷ luật khiển trách đối với đoàn viên (*trong trường hợp đoàn viên là thành viên của cơ quan lãnh đạo đoàn cấp nào thì phải được sự đồng ý của cơ quan cấp đó*).

9. Thẩm quyền kỷ luật đối với Ủy viên Ủy ban Kiểm tra đoàn các cấp áp dụng như kỷ luật Ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp; Đoàn cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập Ban Cán sự đoàn có thẩm quyền kỷ luật đối với Ủy viên Ban Cán sự đoàn.

10. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đoàn nếu vi phạm kỷ luật thì áp dụng theo nguyên tắc cấp nào bổ nhiệm, cấp đó xử lý kỷ luật.

Điều 10. Thẩm quyền thi hành kỷ luật cơ quan lãnh đạo của đoàn

1. Ban Chấp hành đoàn cấp trên trực tiếp có thẩm quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với cơ quan lãnh đạo của đoàn cấp dưới trực thuộc.

2. Ủy ban Kiểm tra, Ban Thường vụ đoàn các cấp tham mưu, đề xuất cho Ban Chấp hành xem xét, quyết định thi hành kỷ luật cơ quan lãnh đạo của đoàn theo thẩm quyền.

Điều 11. Trình tự, yêu cầu trong xem xét thi hành kỷ luật

1. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đoàn có thẩm quyền quyết định kỷ luật nghe cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đoàn vi

phạm trình bày ý kiến (nếu cần thiết) và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đoàn có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật. Hoặc đại diện tổ chức đoàn vi phạm, cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm có thể trình bày ý kiến trực tiếp với tổ chức đoàn có thẩm quyền tại hội nghị xem xét, quyết định kỷ luật. Nếu cán bộ đoàn, đoàn viên hoặc người đại diện tổ chức đoàn vi phạm không trực tiếp trình bày ý kiến với đại diện tổ chức đoàn có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đoàn đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

2. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật cán bộ đoàn, đoàn viên

2.1. Cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm tại nơi đang là thành viên, nơi đang công tác, sinh hoạt, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm tổ chức đoàn vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, tổ chức đoàn cấp trên trực tiếp có thẩm quyền xem xét kỷ luật.

2.2. Tổ chức đoàn nơi cán bộ đoàn, đoàn viên đang là thành viên, nơi đang sinh hoạt có trách nhiệm hướng dẫn cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm; tổ chức hội nghị thảo luận, góp ý và kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật.

2.3. Cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì tổ chức đoàn có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu cán bộ đoàn, đoàn viên đó phải kiểm điểm trước nơi đang là thành viên, nơi đang sinh hoạt: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước.

2.4. Đoàn viên sinh hoạt đoàn tạm thời, nếu vi phạm kỷ luật thì tổ chức đoàn nơi đoàn viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, đề nghị bằng văn bản cho tổ chức đoàn nơi đoàn viên sinh hoạt chính thức xem xét, kỷ luật.

2.5. Tổ chức đoàn cấp trên có thẩm quyền khi phát hiện cá nhân, tổ chức đoàn các cấp có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đoàn cấp dưới có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định. Trường hợp tổ chức đoàn cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đoàn có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đoàn cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đoàn đó.

3. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật cơ quan lãnh đạo của đoàn: Cơ quan lãnh đạo của đoàn vi phạm phải tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo đoàn cấp trên xem xét, quyết định.

Điều 12. Quy trình xem xét thi hành kỷ luật

Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên gồm tổ chức họp tự kiểm điểm tổ chức đoàn, kiểm điểm cán bộ đoàn và đoàn viên vi phạm; tổ chức họp xem xét, quyết định kỷ luật; công bố quyết định kỷ luật.

Quy trình cụ thể và các mẫu phiếu trong thi hành kỷ luật theo Phụ lục 03, Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 13. Bỏ phiếu thi hành kỷ luật

1. Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đoàn phải bỏ phiếu biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín.

2. Tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì bỏ phiếu đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cách tính số phiếu biểu quyết

3.1. Hội nghị đề nghị xét kỷ luật và hội nghị quyết định kỷ luật chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba ($2/3$) số thành viên được triệu tập tham dự. Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật đối với cán bộ đoàn, đoàn viên phải được sự đồng ý của trên một phần hai ($1/2$) tổng số thành viên có mặt tại hội nghị; quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật đối với cơ quan lãnh đạo của đoàn phải được sự đồng ý của trên một phần hai ($1/2$) tổng số thành viên được triệu tập.

3.2. Trong trường hợp kết quả bỏ phiếu đề nghị kỷ luật không có hình thức nào quá bán hoặc kết quả bỏ phiếu bằng nhau thì làm văn bản báo cáo lên đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 14. Hiệu lực quyết định kỷ luật

1. Kỷ luật tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật.

2. Quyết định khiển trách đối với đoàn viên vi phạm của chi đoàn hoặc chi đoàn cơ sở có hiệu lực ngay sau khi công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày, chi đoàn, chi đoàn cơ sở ban hành quyết định kỷ luật giao cho đoàn viên bị kỷ luật, báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Quyết định kỷ luật của chi đoàn được đóng dấu của đoàn cơ sở vào phía trên, góc trái.

3. Tổ chức đoàn có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật phải kịp thời công bố (trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức đoàn cấp dưới công bố) chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đoàn cấp dưới được uỷ quyền chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được uỷ quyền phải công bố quyết định cho tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên bị kỷ luật. Nếu quá hạn trên phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Đề nghị của đoàn cấp dưới về kỷ luật cách chức, khai trừ đối với cá nhân và giải tán đối với cơ quan lãnh đạo của đoàn nếu chưa được tổ chức đoàn có thẩm quyền quyết định và công bố thì cá nhân đó vẫn được sinh hoạt và cơ quan lãnh đạo của đoàn đó vẫn được hoạt động.

5. Quyết định của đoàn cấp dưới về kỷ luật cơ quan lãnh đạo của đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên vi phạm phải báo cáo lên đoàn cấp trên trực tiếp; nếu cá

nhân vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của đoàn thì phải báo cáo các cơ quan lãnh đạo cấp đó nơi mà cá nhân đó là thành viên.

6. Hết thời hạn áp dụng hình thức kỷ luật và giới thiệu ứng cử, đề cử, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo Đoàn các cấp.

- Sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ), nếu cán bộ đoàn, đoàn viên không khiếu nại, không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên hết hiệu lực; việc giới thiệu ứng cử, đề cử, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo Đoàn các cấp đối với cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật đã hết thời hạn áp dụng hình thức kỷ luật thực hiện theo quy định của Điều lệ Đoàn.

- Trường hợp bị kỷ luật khai trừ Đoàn, sau 12 tháng, nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được kết nạp lại vào Đoàn; quy trình, thủ tục thực hiện theo quy định của Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về kết nạp đoàn viên.

- Cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật từ khiển trách trở lên thì không thực hiện quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo, không được giới thiệu bầu vào cơ quan lãnh đạo của Đoàn, không được bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

7. Trường hợp quyết định thay đổi hình thức kỷ luật thì thời hạn chấp hành kỷ luật được tính từ ngày quyết định kỷ luật đầu tiên có hiệu lực.

Điều 15. Kỷ luật đối với cán bộ đoàn giữ nhiều chức vụ trong đoàn

1. Cán bộ đoàn giữ nhiều chức vụ vi phạm kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà cách một chức, nhiều chức hay cách hết chức vụ Đoàn hiện đang đảm nhiệm.

2. Trường hợp kỷ luật cách chức cán bộ đoàn giữ nhiều chức trong một cấp:

2.1. Nếu cách chức bí thư (hoặc phó bí thư) còn là Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành; nếu cách chức Ủy viên ban thường vụ còn là Ủy viên Ban Chấp hành; nếu cách chức Ủy viên Ban Chấp hành thì không còn là Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư.

2.2. Nếu cách chức chủ nhiệm (hoặc phó chủ nhiệm) Ủy ban Kiểm tra thì còn là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra; nếu cách chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra thì đương nhiên không còn là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

2.3. Trường hợp cán bộ đoàn vừa là Ủy viên Ban Chấp hành vừa là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra cùng cấp, nếu bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức Ủy viên Ban Chấp hành thì không còn chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, nếu cách chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra thì tùy thuộc mức độ vi phạm để đề nghị Ban Chấp hành cùng cấp xem xét tư cách Ủy viên Ban Chấp hành.

3. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức vụ ở nhiều cấp khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì cách chức ở cấp nào thì chỉ mất chức ở cấp đó, các chức vụ ở cấp khác vẫn còn.

Điều 16. Thi hành kỷ luật đối với cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật

1. Cán bộ Đoàn, Đoàn viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam hoặc do cơ quan thanh tra, kiểm toán cung cấp nội dung vi phạm pháp luật thì tổ chức Đoàn có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ Đoàn, Đoàn viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của tòa án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, nếu thấy cần thiết, tổ chức Đoàn có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đoàn đối với cán bộ đoàn và đoàn viên đó.

2. Cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật đã bị áp dụng mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên theo bản án đã có hiệu lực của tòa án.

2.1. Trường hợp cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật đã bị áp dụng mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án thì bí thư (hoặc phó bí thư) của cấp bộ đoàn có thẩm quyền ký quyết định kỷ luật “khai trừ” (nếu cán bộ đoàn còn là đoàn viên), “cách chức” (cách chức tất cả các chức vụ trong đoàn, nếu cán bộ đoàn không còn là đoàn viên), không phải thực hiện các thủ tục xét thi hành kỷ luật như thông thường.

2.2. Nếu cán bộ đoàn vi phạm thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ban Thường vụ đoàn cấp tỉnh trình hồ sơ đề nghị thi hành kỷ luật với Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quyết định kỷ luật “khai trừ” (nếu cán bộ đoàn còn là đoàn viên), “cách chức” (cách chức tất cả các chức vụ trong đoàn, nếu cán bộ đoàn không còn là đoàn viên), không phải thực hiện các thủ tục xét thi hành kỷ luật như thông thường (thông qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn để tham mưu).

3. Cán bộ đoàn, đoàn viên bị xử oan, sai đã được tòa án quyết định huỷ bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án thì các tổ chức đoàn có thẩm quyền phải kịp thời xem xét lại quyết định kỷ luật đối với cán bộ đoàn, đoàn viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

Điều 17. Thi hành kỷ luật đối với cán bộ đoàn, đoàn viên trong trường hợp đặc biệt

1. Cán bộ đoàn, đoàn viên là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc cán bộ đoàn, đoàn viên là nam giới (trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chưa xem xét kỷ luật.

2. Cán bộ đoàn, đoàn viên bị mắc bệnh hiểm nghèo (theo quy định của ngành y tế) hoặc đang được điều trị nội trú tại bệnh viện tuyến huyện trở lên thì chưa xem xét kỷ luật. Trường hợp cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm đã qua đời thì không xử lý kỷ luật.

3. Trường hợp cán bộ đoàn, đoàn viên (hoặc các cá nhân) chuyển công tác, sinh hoạt đến cơ quan đoàn, tổ chức đoàn mới, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi công tác, sinh hoạt đoàn trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do cơ quan đoàn, tổ chức đoàn mới chuyển đến công tác, sinh hoạt xem xét, xử lý trên cơ sở trao đổi, phối hợp với cơ quan đoàn, tổ chức đoàn nơi xảy ra vi phạm.

Điều 18. Thời hạn, thời hiệu kỷ luật

1. Cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm và đã bị kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính, thì trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, phải xem xét, xử lý kỷ luật đoàn, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cấp bộ Đoàn, Ủy ban Kiểm tra đoàn có thẩm quyền xem xét, thi hành kỷ luật phù hợp, đúng quy định.

2. Khi cán bộ đoàn, đoàn viên bị xử lý kỷ luật thì trong thời hạn 15 ngày, tổ chức đoàn có thẩm quyền có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng, chính quyền, chuyên môn đang quản lý cán bộ đoàn, đoàn viên đó biết. Quyết định thi hành kỷ luật của đoàn cấp dưới phải báo cáo đoàn cấp trên trực tiếp, quyết định thi hành kỷ luật của đoàn cấp trên phải được thông báo đến cấp dưới nơi có tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm.

3. Thời hiệu kỷ luật là thời hạn được quy định trong Quy định này mà khi hết thời hạn đó thì cơ quan lãnh đạo của đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm không bị kỷ luật.

4. Thời hiệu kỷ luật được tính từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm đến khi tổ chức đoàn có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Nếu cơ quan lãnh đạo của đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên có hành vi vi phạm mới trong thời hạn được quy định tại Điểm 4.1, 4.2 khoản này thì thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới.

4.1. Thời hiệu kỷ luật cơ quan lãnh đạo của đoàn vi phạm như sau:

- 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách.
- 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo.
- Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với những vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức kỷ luật giải tán; vi phạm về chính trị nội bộ; về quốc phòng, an ninh, đối ngoại xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

4.2. Thời hiệu kỷ luật cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm như sau:

- 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách.
- 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức.

- Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khai trừ; vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.

Điều 19. Giải quyết oan, sai trong thi hành kỷ luật

Tổ chức đoàn quyết định kỷ luật oan, sai đối với cán bộ đoàn, đoàn viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tổ chức đoàn có thẩm quyền xem xét, quyết định. Cán bộ đoàn, đoàn viên bị kỷ luật oan, sai phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi.

Chương IV

GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐOÀN, CÁN BỘ ĐOÀN VÀ ĐOÀN VIÊN

Điều 20. Thẩm quyền giải quyết

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra đoàn các cấp, Ban Bí thư Trung ương Đoàn có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức đoàn có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đoàn, cán bộ đoàn thuộc phạm vi phụ trách. Chi đoàn, chi đoàn cơ sở (nơi không có Ban Chấp hành) có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đoàn viên thuộc phạm vi quản lý.

Điều 21. Nguyên tắc giải quyết

1. Khi nhận được tố cáo, cơ quan nhận đơn phải phân loại, giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để giải quyết; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì chuyển đến các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các đơn tố cáo và thông báo cho người tố cáo biết.

2. Khi nhận được đơn tố cáo của cán bộ, đoàn viên, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết thì ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm thẩm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị xử lý và trả lời cho người có đơn. Trong thời gian cấp có thẩm quyền đang xem xét, kết luận, người tố cáo không gửi đơn tố cáo đến nhiều cấp, nhiều ngành cùng một lúc.

3. Đối với đơn tố cáo không ghi danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những đơn đã được cấp có thẩm quyền xem xét kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới, những đơn tố cáo sao chụp chữ ký thì không xem xét giải quyết. Cán bộ đoàn, đoàn viên viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên là đảng viên thì đề nghị tổ chức đảng tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của Đảng. Trường hợp đơn tố cáo giấu tên, không rõ địa chỉ người tố cáo nhưng nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì tổ chức đoàn có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên bị tố cáo.

4. Trường hợp đơn tố cáo có nội dung, tính chất phức tạp, có liên quan đến nhiều cấp thì ủy ban kiểm tra, cấp bộ đoàn cấp trên trực tiếp của cấp cao nhất hoặc Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn có thể xem xét giải quyết.

5. Trong khi giải quyết tố cáo phải đảm bảo khách quan, trung thực, đúng pháp luật và đúng quy định của Điều lệ Đoàn; không được quy chụp, có biện pháp bảo vệ người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo. Sau khi giải quyết xong phải báo cáo với cấp bộ đoàn có thẩm quyền xử lý.

Điều 22. Nội dung giải quyết

1. Đối với tổ chức đoàn: Những nội dung liên quan đến việc chấp hành chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Đoàn, quy định của Đoàn, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đoàn; đoàn kết nội bộ.

2. Đối với cán bộ đoàn, đoàn viên: Những nội dung liên quan đến việc chấp hành chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Đoàn, quy định của Đoàn; về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đoàn, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ đoàn, đoàn viên.

Điều 23. Quy trình, thời hạn giải quyết

1. Quy trình giải quyết cơ bản gồm: tiếp nhận, phân loại, xử lý; thẩm tra, xác minh, kết luận, đối thoại; quyết định giải quyết. Quy trình cụ thể và các mẫu văn bản theo Phụ lục 05 đến Phụ lục 10 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Thời hạn giải quyết lần đầu không quá 60 ngày đối với tố cáo kể từ ngày thụ lý giải quyết; đối với các vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều tổ chức thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 45 ngày đối với khiếu nại, 90 ngày đối với tố cáo.

3. Đối với đơn, thư tố cáo có liên quan đến đại biểu đại hội hoặc hội nghị đại biểu của Đoàn, thì chỉ nhận và xem xét, giải quyết đơn thư đó nếu được gửi đến trước đại hội, hội nghị đại biểu ít nhất 10 ngày.

Chương V

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐOÀN

Điều 24. Thẩm quyền giải quyết

1. Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đoàn được tiến hành từ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn từ cấp cơ sở trở lên, Ủy ban Kiểm tra đoàn từ cấp huyện trở lên.

2. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật Đoàn phải tuân tự từ cấp ra quyết định kỷ luật sau đó mới đến cấp trên ra quyết định.

3. Ban Thường vụ Trung ương Đoàn là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo; Ban Chấp hành Trung ương Đoàn là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật cách chức,

khai trừ do Ban Chấp hành, tổ chức đoàn trực thuộc Trung ương Đoàn trở xuống quyết định.

4. Đối với các hình thức kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương Đoàn là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Việc xem xét, kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật Đoàn phải biểu quyết bằng phiếu kín. Việc tính số phiếu biểu quyết thực hiện như quy định tại khoản 3, điều 13 của Quy định này.

5. Trong quá trình giải quyết đơn, thư khiếu nại về kỷ luật hoặc kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới đối với cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn, nếu phát hiện thấy trường hợp xử lý kỷ luật không đúng, ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền yêu cầu đoàn cấp dưới sửa đổi; nếu đoàn cấp dưới không sửa đổi thì ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền báo cáo cấp bộ đoàn cùng cấp hoặc cấp trên thay đổi hoặc xóa bỏ các quyết định về kỷ luật đó.

Điều 25. Nguyên tắc giải quyết

1. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, không xem xét, giải quyết khiếu nại. Không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong. Không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ. Tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên khiếu nại lần đầu tại Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ đoàn cùng cấp.

2. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đoàn cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đoàn cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đoàn cấp trên.

3. Tổ chức đoàn trực tiếp quản lý đoàn viên khiếu nại phối hợp với Ủy ban Kiểm tra, Ban Thường vụ hoặc Ban Chấp hành để giải quyết khiếu nại; tạo điều kiện để người khiếu nại thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra, Ban Thường vụ hoặc Ban Chấp hành; chấp hành nghiêm yêu cầu, kết luận hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của cấp có thẩm quyền.

Điều 26. Nội dung giải quyết

1. Giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà cán bộ đoàn, đoàn viên bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện cán bộ đoàn, đoàn viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định.

2. Cán bộ đoàn, đoàn viên bị kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết đã qua đời thì tổ chức đoàn vẫn xem xét, giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ; vợ hoặc chồng; con; anh, chị, em ruột) đề nghị cho biết kết quả thì thông

báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản cho tổ chức đoàn nơi cư trú và thân nhân người đó biết.

3. Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đoàn có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật.

Điều 27. Thời gian khiếu nại và thời gian chuyển đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết

1. Tổ chức đoàn, cán bộ đoàn, đoàn viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đoàn cấp trên có thẩm quyền giải quyết (*nêu tại điều 24 của Quy định này*). Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày cán bộ đoàn, đoàn viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyên đến.

2. Tổ chức đoàn khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chậm nhất 5 ngày phải chuyển cho tổ chức có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết.

3. Trong trường hợp bất khả kháng, người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời gian quy định thì thời gian bất khả kháng đó không được tính vào thời gian khiếu nại.

Điều 28. Trình tự, thủ tục giải quyết

1. Tổ chức Đoàn phải tiến hành xác minh, kiểm tra, xem xét, kết luận, biểu quyết bằng phiếu kín quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật cụ thể không đủ số phiếu theo quy định thì báo cáo đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

2. Khiếu nại kỷ luật đoàn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thì Ủy ban Kiểm tra phối hợp với các phòng ban tham mưu cấp ủy cùng cấp hoặc các tổ chức có liên quan lập đoàn (tổ) giải quyết khiếu nại. Đoàn giải quyết khiếu nại có trách nhiệm giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ việc khiếu nại trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Ủy ban Kiểm tra sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đoàn phải báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đoàn cùng cấp.

Quy trình cụ thể và các mẫu văn bản theo Phụ lục 05 và Phụ lục 06 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Quy định này được phổ biến đến đoàn viên; các cấp bộ đoàn tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy định này.

Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn hướng dẫn cụ thể một số nội dung cần thiết trong quá trình thực hiện và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Quy định này.

Điều 30. Ban hành kèm theo Quy định này là các phụ lục về quy trình công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đoàn. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐOÀN
BÍ THƯ THỨ NHẤT**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Tổ chức TW; Ban Dân vận TW; (để báo cáo)
- UBKT TW; Văn phòng TW Đảng;
- Ban Bí thư TW Đoàn;
- Ủy viên BCH TW Đoàn;
- Ủy viên UBKT TW Đoàn;
- Các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc;
- Các ban, đơn vị Trung ương Đoàn;
- Lưu BKT, VP.



Bùi Quang Huy